TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2018/HN-ST
Ngày: 08/6/2018
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Đông Hải, kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C.A, xã Đ.H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C: Ông Huỳnh Phương C - Luật sư, cộng tác viên trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

* *Bị đơn*: Anh Đỗ Phong V, sinh năm: 1983 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C. A, xã Đ.H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2017, 16/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày và yêu cầu như sau*: Chị và anh Đỗ Phong V kết hôn vào năm 2008, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.T.B, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/8/2008. Sau khi kết hôn anh chị sống tự lập.

Trong quá trình chung sống, anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị thiếu lòng tin lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi và xúc phạm lẫn nhau. Mỗi lần xảy ra cự cãi, anh V đều dọa sẽ giết chết chị. Vì thương con, chị nhiều

lần bỏ qua cho anh V và tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm lo cho con, nhưng anh V vẫn không thay đổi.

Mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra được Ban lãnh đạo ấp hòa giải động viên nên chị đồng ý tạo cơ hội cho anh V để vợ chồng hòa hợp và cùng nhau chung sống. Nhưng chỉ hơn 10 ngày thì anh V lại tái diễn và ngày càng ghen tuông vô cớ, nói năng thô lỗ và xúc phạm chị. Chị không còn sức chịu đựng được nữa nên quyết định xin ly hôn với anh Vh. Chị C xác định giữa chị và anh V đã ly thân nhau từ tháng 6/2017 cho đến nay. Nay chị xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Phong V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh V có 01 con chung tên Đỗ Gia B, sinh ngày 16/4/2009 (giới tính nam), hiện nay cháu B đang chung sống cùng anh V.

Về tài sản:

+ Tài sản chung: Trước đây, vợ chồng chị có cất 01 căn nhà làm bằng cây, vách, mái làm bằng lá cất trên phần đất do chị C đứng tên, căn nhà hiện nay đã sụp đổ không còn nữa. Do đó, đồ dùng trong nhà bao gồm 01 tủ áo bằng gỗ cửa kiếng, 01 giường hợp bằng gỗ, hiện nay đang gửi tại nhà chị Nguyễn Thị T (chị ruột của chị C), địa chỉ: ấp C.A, xã Đ.H và 01 chiếc xe HonDa nhãn hiệu Dream hiện nay anh V đang sử dụng.

+ Tài sản riêng: Thửa đất có diện tích 303m^2 số Sêri BN 390047, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00667 và thửa đất có diện tích 3.795m^2 số Sêri BN 390046, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00666 cùng được UBND huyện An Minh cấp ngày 19/9/2013 do tôi đứng tên tọa lạc tại: Ấp C.A, xã Đ.H, huyện An Minh, Kiên Giang.

Về nợ chung: Khi còn chung sống, vợ chồng có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Kiên Long (*Phòng giao dịch AB*). Nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ kiện thì chị C đã trả hết số nợ cho Ngân hàng. Chị C xác định đến thời điểm Tòa án xét xử, vợ chồng chị không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Nay, chị C yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Phong V.

- Về con chung: Chị C đồng ý giao cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 16/4/2009 (giới tính nam) cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu B (văn bản thể hiện nguyện vọng ngày 01/9/2017). Chị C cấp dưỡng nuôi con cùng anh V mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi cháu Gia Bảo đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Chị C xác định, hiện nay chị và anh V không có tranh chấp gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản ghi lời khai ngày 16/4/2018 anh Đỗ Phong V trình bày và yêu cầu như sau*: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng C chung sống và kết hôn từ năm 2008, anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã T.T.B, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre ngày 04/8/2008. Sau khi kết hôn, anh chị sống tự lập và về ở chung với cha mẹ ruột chị C.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh thường xuyên đi làm xa nên tình cảm của chị C đối với anh ngày càng phai nhạt, cụ thể là chị C thường xuyên đi chung và nhắn tin qua lại với người đàn ông khác dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và xúc phạm lẫn nhau, trong lúc cự cãi do không kèm chế được anh có những lời lẽ không hay nên chị C không muốn sống chung với anh nữa. Vì vậy giữa anh và chị C đã ly thân nhau khoảng tháng 7/2017 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Đỗ Gia B, sinh ngày 16/4/2009 (giới tính nam), hiện nay cháu đang chung sống cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Gia B và yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cùng với anh, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 01 triệu đồng, phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Về tài sản chung: Hiện nay, anh chưa có yêu cầu chia nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này. Khi nào anh có yêu cầu thì sẽ khởi kiện sau.

Về nợ chung: Anh V xác định hiện nay, anh và chị C không còn nợ ai và cũng không ai nợ anh chị.

Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con. Nếu như chị C cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu.

+ Về con chung: Được tiếp tục nuôi cháu B và yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng là 01 triệu đồng, phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng, cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Hiện nay, anh chưa có yêu cầu chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này. Khi nào có yêu cầu thì anh sẽ khởi kiện sau.

+ Về nợ: Không có nên anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Hồng C yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Phong V.

Về con chung: Đồng ý giao cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 16/4/2009 (giới tính nam) cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu B (văn bản thể hiện nguyện vọng ngày 01/9/2017) và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng anh V mỗi tháng với số tiền là 700.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 20/7/2018, phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng. Bởi vì hiện nay công việc

của chị C không ổn định nên không đủ khả năng để cấp dưỡng theo yêu cầu của anh Vinh.

Về tài sản chung: Chị và anh V không có tranh chấp nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người bảo vệ quyền và hợp pháp cho chị C, ông Huỳnh Phương C trình bày*: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Hồng C ly hôn với anh Đỗ Phong V. Bởi vì, trong quá trình chung sống, chị C và anh V đã phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng ly thân kéo dài nhưng không hàn gắn được, anh V nại ra lý do muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn nhưng anh V không trực tiếp hòa giải với chị C. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa anh V và chị C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Về con chung: Đề nghị giao cho con cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng và chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh V mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

Về tài sản và về nợ chung: Không có tranh chấp nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã để quá thời hạn hơn 04 tháng là thực hiện đúng quy định về thời hạn xét xử theo Điều 203 BLTTDS nên cần rút kinh nghiệm.

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn chị Hồng C đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn anh V vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định tại Điều 72 BLTTDS gây khó khăn, kéo dài thời gian trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Hồng C ly hôn với anh V; Về con: Giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh V theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung không có yêu cầu và về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý và căn cứ vào lời khai của đương sự, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng đối với Ngân hàng TMCP Kiên Long (*chi nhánh Kiên Giang, Phòng giao dịch AB*) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 73 BLTTDS (*do trong thời gian chung sống, chị C và anh V có vay vốn tại Ngân hàng*) nhưng trong quá trình giải quyết, nguyên đơn đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng TMCP Kiên Long (*chi nhánh Kiên Giang, Phòng giao dịch AB*) có văn bản xác nhận chị C đã tất toán số vốn vay tại Ngân hàng và xác định không có yêu cầu và không liên quan gì đến vụ kiện. Xét thấy, quyền lợi của Ngân hàng TMCP Kiên Long (*chi nhánh Kiên Giang, Phòng giao dịch AB*) và nghĩa vụ trả nợ của đương sự trong vụ án này không còn nên Tòa án không tiếp tục đưa Ngân hàng TMCP Kiên Long (*chi nhánh Kiên Giang, Phòng giao dịch AB*) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C và anh V chung sống với nhau từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.T.B, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/8/2008 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị C là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã ly thân nhau từ tháng 6/2017. Qua xác minh tại nơi cư trú cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị không lớn nhưng anh chị đã ly thân nhau trong thời gian dài mà vẫn không hàn gắn được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản về yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh V và tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh V vắng mặt không tham dự các phiên hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và chị C vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, việc hòa giải không mang lại kết quả. Xét thấy đời sống chung giữa chị C và anh V đã không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Từ đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị C được ly hôn với anh V.

[3] *Về quan hệ con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của chị C, anh V và nguyện vọng của cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 16/4/2009 (giới tính nam) cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của anh V về việc yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng là 01 triệu đồng là có cơ sở nhưng HĐXX chỉ chấp nhận một phần đối với yêu cầu của anh V. Bởi vì, theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng hiện nay thu nhập hàng tháng của chị C không ổn định. HĐXX xét thấy, chị C đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng anh V mỗi tháng với số tiền là 700.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi là phù hợp nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị C và anh V xác nhận không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

[7] *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/6/2018).

Riêng anh Đỗ Phong V có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn với anh Đỗ Phong V.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 16/4/2009 (giới tính nam) cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh V mỗi tháng là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*), phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng, và bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 20/7/2018 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng C chịu án phí ho6on nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0000399 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị C không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/6/2018).

Riêng anh Đỗ Phong V có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã thực hiện việc Kết hôn.
- Lưu HS, VP.